

Kh·a h̃ c : L̃ p h̃ c : 34CCD6 N̄m h̃ c : 2012-2013 ̣ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

Н 8 к8 : HK03

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	ậ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3471010005	34CCD6	Lê Minh An	01/04/1992				10.0	9.0	8.0	9.0	2.7	9.5	6.7	9.4	
2	3471010019	34CCD4	Lê Minh Bĩo	20/09/1992				9.0	7.0	9.0	8.3	2.5	6.5	4.6	7.0	
3	3571010690	35CCĐ2	Nguyễn Khşnh Bình	08/12/1993				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
4	3571011275	35CCĐ6	Nguyễn Thnh Công	06/11/1993				4.0	5.0	7.0	5.3	1.6	7.5	5.3	6.9	
5	3471010048	34CCD3	Bùi Xuân CỄng	02/12/1992				6.0	6.0	10.0	7.3	2.2	6.5	4.6	6.8	
6	3471010032	34CCD7	Phan Vĩn Chánh	07/03/1992				9.0	8.0	9.0	8.7	2.6	8.3	5.8	8.4	
7	3471010068	34CCD3	Nguyễn Vĩn Duy	16/08/1992				8.0	5.0	7.0	6.7	2.0	4.5	3.2	5.2	
8	3571010654	35CCĐ1	L° Vĩ t DỄng	17/07/1992				8.0	7.0	10.0	8.3	2.5	7.5	5.3	7.7	
9	3471010076	34CCD7	Nguyễn Vĩn ậ a	06/11/1992				5.0	7.0	8.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
10	3571011174	35CCĐ1	VỈ ậ c ậ Ỗ	19/06/1993				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	
11	3471010087	34CCD1	DỄng T, ậ iQn	24/02/1991							0.0	0.0	0	0.0		
12	3471010099	34CCD4	Lý Hoài ậ c	15/04/1992				9.0	7.0	9.0	8.3	2.5	7.8	5.5	8.0	
13	3471010110	34CCD5	Hoňg Vĩn HỈĩ	02/10/1992				10.0	8.0	9.0	9.0	2.7	9.5	6.7	9.4	
14	3551010048	35CLC1-CĐ	Nguyễn C¹ng Hđu	18/10/1993				3.0	4.0	5.0	4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
15	3571010172	35CLC1-CĐ	Nguyễn ậ c Hđu	05/10/1991				5.0	6.0	8.0	6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
16	3471010116	34CCD2	Lê Gia Hi/Jĩ	28/03/1992				10.0	9.0	10.0	9.7	2.9	9.0	6.3	9.2	
17	3471010124	34CCD3	Phan Minh HoỖĩ	04/03/1992				2.0	4.0	5.0	3.7	1.1	2.3	1.6	2.7	
18	3471010136	34CCD5	DỄng Ng c Hòa	30/01/1992							0.0	0.0	0	0.0		
19	3471010133	34CCD2	Hoňg Vĩn HỈ°ng	10/01/1991				7.0	6.0	9.0	7.3	2.2	4.8	3.4	5.6	

Kh·a h̃ c : L̃ p h̃ c : 34CCD6 N̄m h̃ c : 2012-2013 ̣ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

Н ь к8 : HK03

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	ậ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3471010134	34CCD7	Lê Xuân Hĩ ng	12/10/1992				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	
21	3471010148	34CCD7	Nguy, n B§ Huy	28/02/1990				1.0	7.0	8.0	5.3	1.6	6.5	4.6	6.2	
22	3471010149	34CCD7	Nguy, n Qu' c Huy	01/08/1992				6.0	9.0	10.0	8.3	2.5	10.0	7.0	9.5	
23	3471010144	34CCD6	Lê Huy Hù ng	04/04/1991				4.0	4.0	9.0	5.7	1.7	5.5	3.9	5.6	
24	3471010147	34CCD7	Trệh C¹ ng Hù ng	08/06/1992				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	4.5	3.2	5.2	
25	3571010651	35CCĐ1	Nguy, n H- ng	25/05/1993				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	
26	3571011206	35CCĐ5	Trĩ u Vê n H, u	25/03/1992				4.0	4.0	4.0	4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
27	3471010159	34CCD6	Th"nh Ng' c Quang Jun	04/05/1992				8.0	9.0	7.0	8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
28	3571010656	35CCĐ1	Nguy, n Ho" ng VỈ Kha	31/08/1993				5.0	7.0	8.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
29	3471010161	34CCD7	Nguy, n Th"nh Kh	02/07/1991				8.0	9.0	10.0	9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
30	3571011785	35CCĐ4	Cao Minh Lam	10/03/1992				8.0	6.0	9.0	7.7	2.3	6.0	4.2	6.5	
31	3471010178	34CCD7	Cao Thành Lđp	06/11/1992				9.0	6.0	9.0	8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
32	3471010197	34CCD5	Trệh ậ Ủ L, c	17/05/1992				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
33	3471010202	34CCD7	H" ThJ L, c	28/12/1992				4.0	4.0	6.0	4.7	1.4	2.5	1.8	3.2	
34	3471010205	34CCD7	Di°m Vê n Mũnh	05/05/1991				8.0	7.0	9.0	8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
35	3471010207	34CLC-CD	Tr' nh ậ, c Mũnh	22/09/1991				9.0	9.0	10.0	9.3	2.8	10.0	7.0	9.8	
36	3471010216	34CCD6	ậ Hbg Ho" i Nam	18/09/1992				9.0	9.0	9.0	9.0	2.7	10.0	7.0	9.7	
37	3571011613	35CCĐ5	L- Thanh Phong	01/01/1993				5.0	5.0	9.0	6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
38	3571011409	35CCĐ6	Phũm Vê n Phong	08/04/1991				2.0	3.0	5.0	3.3	1.0	5.0	3.5	4.5	

Kh·a h̃ c : **L, p h̃ c :** 34CCD6 **Nl̃m h̃ c :** 2012-2013 **q̃ VHT :** 4
H̃ nT : **H̃ c phFn :** 1230172002-801 - Ch h̃ c kT cB̃i **H̃ c k8 :** HK03
 (60,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L _u P SV	H _o Vê TậN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHẫN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3471010255	34CCD6	Tô Thành Ph _o ng	21/07/1992				10.0	10.0	9.0	9.7	2.9	10.0	7.0	9.9	
40	3471010256	34CCD6	V» V _l n Ph _o c	10/03/1992				5.0	7.0	6.0	6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
41	3471010260	34CCD5	Ph _o m V _l n Quang	10/08/1991				2.0	0.0	0.0	0.7	0.2	0	0.0		
42	3571010639	35CCĐ4	Nguy _o n Danh S _h n	01/10/1993				7.0	6.0	9.0	7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
43	3571010643	35CCĐ1	Nguy _o n H ^o ng S _h n	02/10/1993				5.0	6.0	10.0	7.0	2.1	10.0	7.0	9.1	
44	3551010060	35CCĐ6	Ph _o ng Kh _o ai Anh Tài	21/05/1993				5.0	5.0	9.0	6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
45	3571010664	35CLC1-CĐ	q ^o ng Duy Tâm	25/02/1993				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	7.5	5.3	7.7	
46	3471010338	34CCD3	Nguy _o n Minh Ti _h h	09/02/1992				7.0	9.0	10.0	8.7	2.6	9.0	6.3	8.9	
47	3471010346	34CCD7	Tr _h n Tr ^o ng T ^o	05/07/1991				4.0	5.0	7.0	5.3	1.6	8.0	5.6	7.2	
48	3571010316	35CCĐ4	Vô Minh Tu _h h	14/07/1993				3.0	4.0	8.0	5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
49	3471010379	34CCD6	Kh ^o ng Minh T _u ng	21/04/1992				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	10.0	7.0	9.2	
50	3471010384	34CCD7	Lê Kim Thành Tú	22/02/1992				3.0	3.0	7.0	4.3	1.3	9.0	6.3	7.6	
51	3471010387	34CCD2	q ^o V _l n T _o ng	11/09/1992				7.0	8.0	9.0	8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
52	3471010302	34CCD6	Nguy _o n Quang Thái	09/12/1992				3.0	6.0	6.0	5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	
53	3471010291	34CCD5	Qu _o sch q ^o nh Th _o ng	03/06/1992				3.0	8.0	6.0	5.7	1.7	9.5	6.7	8.4	
54	3471010320	34CCD3	Ph _o m V _l n Thích	03/04/1992				3.0	6.0	5.0	4.7	1.4	9.0	6.3	7.7	
55	3571010212	35CCĐ2	Tr _h n C ^o ng Thích	03/08/1993				7.0	8.0	10.0	8.3	2.5	10.0	7.0	9.5	
56	3571011233	35CCĐ6	Nguy _o n Qu ^o c Th ^o nh	11/08/1993				5.0	4.0	7.0	5.3	1.6	2.0	1.4	3.0	
57	3471010314	34CCD7	L ^o V _l n Thông	26/08/1991				6.0	6.0	9.0	7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	

Kh·a h̄ c : **L̄ p h̄ c :** 34CCD6 **Nl̄m h̄ c :** 2012-2013 **ṇ VHT :** 4
H̄ ṇ T : **H̄ c ph̄Fn :** 1230172002-801 - Ch̄h̄ c kJ̄ c B̄h̄ **H̄ c k8 :** HK03
 (60,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh TriQu	20/07/1993				9.0	10.0	10.0	9.7	2.9	9.0	6.3	9.2	
59	3471010394	34CCD6	Ho`ng Tr`ng Vinh	16/08/1992				9.0	9.0	8.0	8.7	2.6	9.8	6.9	9.5	
60	3471010395	34CCD7	Nguy`n An Vinh	21/11/1992				9.0	7.0	9.0	8.3	2.5	10.0	7.0	9.5	
61	3471010396	34CCD4	Nguy`n Ch" Vinh	25/10/1992				6.0	9.0	8.0	7.7	2.3	6.5	4.6	6.9	
62	3571010187	35CCĐ4	Nguy`n Vln VỈ	24/11/1992				7.0	7.0	9.0	7.7	2.3	9.0	6.3	8.6	
63	3471010407	34CCD5	Trfn Thanh VỈ	16/08/1990				8.0	9.0	10.0	9.0	2.7	10.0	7.0	9.7	

Tr.HCM, ngày / /

Giáo V Khoa